

Giáo tài A Tỳ Đàm

Hòa thượng Saddhammajotika

Tỳ kheo Giác Nguyên dịch Việt,

Sài gòn, 1989

Phần [01]

BỐN PHÁP PARAMATTHA (CHÂN ĐẾ)

Tattha vuttābhidhammatthā

Catudhā paramatthato

Cittam cetasikam rūpam

Nibbānamīti sabbathā

Thích giải:

Tiếng Paramattha nếu đem chiết tự thì có 2 từ: Parama + attha: pháp mang tính chất chân như tuyệt đối, là pháp cơ bản (padhāna) cho tục đế, lại nữa, bản chất tốt cùng của danh sắc là một pháp nghĩa tuyệt đối, nên gọi là paramattha. Bậc Đạo Sư khi thuyết pháp độ đời, Ngài triển khai về 2 sự thật: sự thật của từ ngữ thông thường (sammutivohāra) và sự thật về bản thể (sabhāva).

Trong tạng kinh, Tạng Luật và bộ Puggalapaññatti (Nhân chế định), Ngài thuyết về sự thật thứ nhất. Trong 6 bộ Diệu pháp còn lại thì Ngài nhắm vào sự thật bản thể như trong bộ chú giải Manosathapāraṇī cũng có nói:

Duṇḍu saccāni akkhāsi

Sambuddho vadatam varo

Sammutim paramatthañca

Tatīyam mupalabhati.

"Đức Chánh Giác, bậc tối thượng giữa các hàng trí nhân chỉ nói pháp theo 2 sự thật: tục đế và chân đế, chứ không nói tới sự thật nào khác"

Sở dĩ bậc Đạo Sư thuyết pháp theo 2 sự thật như vậy vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sanh có những người tuy hữu duyên (veneyyasatta) nhưng chưa từng được nghe về pháp chân đế trong thời Phật quá khứ; nên muốn độ họ, Ngài phải nói về sự thật thông thường trước đã rồi sau cùng mới hướng dẫn họ tiến tới trình độ trí tuệ về pháp chân đế. Còn đối với những chúng sanh đã có sẵn vốn liếng trí tuệ về lý chân đế từ đời quá khứ thì ngài mới trực tiếp đem lý chân đế giảng cho họ. Nói tóm lại, đầu nói pháp cách nào đi nữa Ngài cũng luôn nhắm đến lợi ích cho đời.

Trong tục đế lại có 2 khía cạnh nữa: tục đế theo ngôn từ Chư Phật (như trong 2 tạng kinh, luật, puggalapaññatti) và tục đế theo đời thường. Hễ còn là ngôn từ tục đế thì đầu có được xem là chân ngôn cũng chỉ "chân" theo phương diện tục đế bởi nếu xét theo khía cạnh bản thể (sabhāva) thì đó không còn là như thật nữa, có "thật" chăng cũng chỉ là không phải vọng ngữ thôi. Còn lý chân đế thì quả thật là như chân bởi nó là thực tại, là bản chất tuyệt cùng của danh sắc như vậy từ ngữ tục đế đầu của chư Phật hay của người đời cũng không

là vọng ngữ bởi đó chỉ là phương tiện như trong Anguttaranikāya- atthakathā (Chú giải Tăng chi) có nói:

Tasmā vohānakusalassa
Lokanāthassa jantuno
Sammutiṃ vohanantassa
Musāvādo na jāyati

"Chính vì những lý do vừa nêu trên nên trong khi Đức Phật nói pháp theo từ ngữ tục để không phải là nói dối"

Tục để có 2 như đã nói, còn chân đế (paramatthasacca) cũng có 2:

- a) Sabhāvasacca: bản tướng như chân của danh sắc (sabhāvalakkhana) như pháp thiện, bất thiện ...
- b) Ariyasacca: Chỉ cho 4 Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

CITTA-PARAMATTHA (TÂM VƯƠNG)

Bây giờ giải về chi pháp thứ nhất của 4 pháp chân đế, đó là Tâm. Tâm là cái biết cảnh (ārammaṇavijānanalakkhaṇa). Sau đây là một vài câu giải tự về tiếng Citta (tâm):

- Ārammaṇaṃ cintetūti cittaṃ: tư duy cảnh nên gọi là tâm.
- Cintenti sampayuttadhammā etenāti cittaṃ: các pháp tương ứng tức là các sở hữu đồng sanh nhờ cái này mà biết cảnh nên cái này được gọi là tâm.
- Cintanamattaṃ cittaṃ: chính cái biết, cái suy nghĩ là tâm vậy.
- Cittī karotīti cittaṃ: pháp thực tính nào làm cho đời sống chúng sanh trở nên đa dạng thì cái đó là tâm.

Kể cả những vật vô tri (ajīvita) cũng do năng lực của tâm chúng sanh mà trở nên đa dạng rắc rối. Sở dĩ các chúng sanh được xem là đa dạng phức tạp là do chủng loại đa dạng, đa dạng là do sở hành, hạnh nghiệp sai biệt; sở hành sai biệt là do tham ái sai biệt, tham ái sai biệt là do tưởng sai biệt, tưởng sai biệt là do tâm sai biệt. Như trong paramatthadīpanī ghi rằng:

"Cittavicittatāya saññāvicittā, saññāvicittatāya taṇhāvicittatāya kammāni vicittāni, kammavicittatāya yoniso vicittā yonivicittatāya tesamṭtiracchānagatānaṃ vicittatā veditabbā!"

Nói tóm lại bản thể của tâm gồm có 3 khía cạnh.

- 1) Chính nó có bản chất biết cảnh.
- 2) Nó làm nhân cho các sở hữu cùng biết cảnh như nó.
- 3) Nó làm cho các sinh vật (jīvita) và các vật vô tri (ajīvita) trở nên sai biệt đa dạng.

Đức Thế Tôn và các vị Chú Giải Sư đã nói về nhiều khía cạnh đặc biệt của tâm nhưng ở đây chỉ trích đoạn một câu Phật ngôn trong Saṃyutta-nikāya (Tương Ưng Bộ):

Diṭṭham vo bhikkhave caraṇaṃ nāma cittanti? Taṃ bhante. Taṃ pi kho bhikkhave caraṇaṃ cittaṃ cittaena cintanti tenāpi kho bhikkhave caraṇena cittaena cittaññeva cittataranti, nahaṃ bhikkhave aññaṃ ekanikāyampi samanupassāmi yaṃ evaṃ cittaṃ yathayidaṃ

bhikkhave tiracchānagatā pāṇā te pi kho bhikkhave tiracchānagatā pāṇā cittena cittigatā,
tehi pi kho bhikkhave tiracchānagatehi pāṇehi cittaññeva cittatananti.

"Này các tỳ kheo! Có bao giờ các người nhìn thấy bức họa nào chưa? Thưa có ạ - Này các Tỳ kheo, cho đến ngay cả bức tranh đó nếu nó có cái gì phức tạp, sai biệt trong ấy cũng là do tâm sáng tác nên. Này các Tỳ kheo, tâm là cái phức tạp, đa dạng hơn cả bức tranh phức tạp đó nữa. Này các Tỳ kheo, trong tất cả các chúng sanh trên đời, ta chưa thấy một sanh loài nào phức tạp, sai biệt, đa dạng như loài bàng sanh cả, mà tất cả những cái phức tạp đó đều do tâm mà ra, chính tâm tạo ra cái sai biệt, đa dạng đó, này các Tỳ kheo, tâm còn phức tạp hơn cả các loài bàng sanh"

Trong một chỗ khác, cũng ở Saṃy. Đức Phật dạy:

Cittena nīyate loko
Cittena parikassati
Cittassa ekadhammassa
Sabbeva vasamanvagū

"Thế gian này được tâm dắt đi siêu đọa, tất cả chúng sanh đều đi theo quyền lực của cái tâm".

Trong Atthakathā của Sutta-nipāta (Kinh tập) có ghi rằng:

Cittanānattamāgamma
Nānattaṃ hoti vāyuno
Vāyunāmattato nānā
Hoti kāyassa iñjanā

"Chính vì tâm luôn phức tạp đa dạng nên có các oai nghi cử động phức tạp. Chính nhờ có các oai nghi đó mà thân thể mới cử động được".

Và trong Vibhāvanītikā còn ghi như sau:

Vicittakaraṇā cittaṃ
Attano cittaṭṭhāya vā
Cittakammakilesehi
Cittaṃ tāyati vā tathā
Cinoti attasantānaṃ
Vicittārammananti ca

"Gọi là tâm vì nó tạo ra sự sai biệt đa dạng (ở đây chỉ cho 32 tâm quả), hay gọi là tâm vì bản chất của chính nó là đa phức tạp, sai biệt (ở đây chỉ cho cả 89 tâm). Tâm quả (vipākacitta) được gọi là tâm vì nó do thiện nghiệp, ác nghiệp và phiền não tác tạo hay nói cách khác, tâm quả được gọi là tâm vì nó có chức năng bảo vệ thân thể, môi trường hành động của các nghiệp thiện ác và phiền não. Thức nào luôn tác động cho các uẩn nối tiếp nhau sanh khởi liên tục thức ấy được gọi là tâm (ở đây chỉ cho các tâm đồng lực bất thiện và thiện hiệp thể). Một lý khác, thức nào tự mình nối nhau sanh khởi liên tục, thức ấy được gọi là tâm (ở đây chỉ cho 47 đồng lực hiệp thể những tâm mà làm cố hưởng duyên - āsevanapaccaya được). Thức nào có cảnh phức tạp, sai biệt, đa dạng thì thức ấy được gọi là tâm (ở đây chỉ cho cả 89 tâm)".

Sự biến diệt của tâm vô cùng mau lẹ, như bậc Đạo Sư đã thuyết trong Angutta. (Tăng chi) :

Yāvañciday bhikkhave upamā pi na sukarā yāva lahuparivattam cittam.

"Này các Tỳ kheo, tâm này sanh diệt cực kỳ mau lẹ, rất khó mà tìm được ví dụ nào để diễn tả sự mau lẹ đó được. "

CETASIKA-PARAMATTHA (TÂM SỞ HỮU)

Tiếp theo là giải về sở hữu tâm sở hữu tâm nào là pháp nương nơi tâm mà sanh khởi (cittanissitalakkhanam). Trường hợp sở hữu tâm nương tâm để sanh khởi không giống như trường hợp cây cối nương mặt đất mọc lên, bởi vì trong trường hợp đó mặt đất là cứ điểm nâng đỡ (ādhārathāṇa) còn cây là cái được nâng đỡ (ādheyya). Còn vai trò tâm và sở hữu đối với nhau thì tâm là nissaya (nặng y), sở hữu là nissita (sở y) giống như ông thầy với người học trò. Sở dĩ nói như vậy là vì sở hữu mà biết được cảnh cũng nhờ nương vào tâm, bỏ tâm ra, sở hữu không làm được cái việc biết cảnh nên nó bắt buộc phải nương vào tâm để sanh ra. Chính vì vậy ta có thể nói rằng sở hữu là cái sanh khởi trong tâm hay phải thường xuyên cấu hợp với tâm, như các câu giải tự sau đây của các bậc Đại Sư tiền bối:

- Cetasi bhavam cetasikam. (Sanh ra trong tâm nên gọi là sở hữu tâm)
- Cetasi nituttam cetasikam (Thường xuyên quan hệ trong tâm nên gọi là sở hữu tâm).

MỐI TƯƠNG HỆ GIỮA TÂM SỞ HỮU VÀ CẢNH

Sự tương quan tương hệ giữa 3 pháp này được ví dụ như một phòng vẽ vậy. Trong sự phối hợp đó, tâm giống như nước pha màu, sở hữu giống như màu còn cảnh dù vô tri hay hữu thức sinh vật hay vô sinh vật (jīvita hay ajīvita) thì cũng giống như tấm vải (hay tờ giấy để vẽ), 6 môn (nhân, nhĩ ...) thì giống như cây cọ vẽ, còn các chúng sanh thì giống như người họa sĩ.

RŪPA-PARAMATTHA (SẮC)

Sắc là cái luôn biến diệt thay đổi (ruppanalakkhanam) trong môi trường thiếu điều kiện mà ta gọi là virodhappaccaya (điều kiện xung khắc) như những lúc nóng lạnh, bệnh hoạn, đói khát, gió nắng, ruồi muỗi ... có câu giải tự về tiếng Rūpa (sắc) rằng:

- Sītuṇhādivirodhipaccayehi ruppattīti: rūpam (bị thay đổi vì những điều kiện khắc nghiệt như đã kể gọi là sắc).

NIBBĀNA-PARAMATTHA (NÍP-BÀN)

Níp-bàn là pháp tịch tịnh đối với 5 uẩn (santilakkhaṇa). Sở dĩ nói như vậy và Níp-bàn là cái đã tách rời tham ái mọi cách dứt khoát. Một khi vị La Hán đã viên tịch (khandhaparinnibbāna) thì mọi nỗi khổ luân hồi như sanh lão tử ... cũng vĩnh viễn chấm dứt. Như các câu giải tự sau đây:

- Vānato nikkhantanti nibbānam (Níp-bàn là cái thoát ngoài ái thúc phược).
- Nibbāyanti sabbe vaṭṭadukhasantāpā etasminti nibbānam (Níp-bàn là pháp mà trong đó hoàn toàn giải thoát mọi bức nhiệt đau khổ luân hồi).
- Nibbāyanti ariyajana etasminti nibbānam (Níp-bàn là điểm mà chư Thánh nhân viên tịch đối với các khổ).

Ở đây từ Nibbāna nếu đem chiết tự thì có 2 tiếng.

Ni: ra khỏi, vượt ngoài, giải thoát.

Vāna: tạp nhạp (tham ái)

Vậy Nivāna là ra khỏi tham ái. Mà theo văn phạm Pāli khi ghép từ như vậy, phụ âm V sẽ được tăng cường và dĩ nhiên nó phải biến dạng mới phát âm được, vậy 2 chữ V sẽ trở thành 2 chữ B, thành va Nibbāna.

THÍCH GIẢNG:

Gọi là kusale vì đó là tâm không lầm lỗi và cho thiện quả. Gọi là Mahākusalacitta vì tâm thiện này cho quả lớn và nó làm cơ sở cho thiền định, thăng trí, đạo quả khởi lên; có nó dẫn nhập, các thượng pháp ấy mới có mặt được.

Gọi là Mahavipākacitta vì đây là quả của tâm đại thiện và khi nói về 3 phương diện thọ (hỷ xả), tương ưng (sampayoga: trí và vô trí), tác động (sankhāra) vô và hữu trợ) cũng giống như tâm đại thiện.

Gọi là Mahākriyācitta vì nó thay thế đại thiện để vị La Hán có thể làm những việc mà lẽ ra phải làm bằng tâm đại thiện.

* Tiếng kāma có lời giải tự như sau :

- Kāmetīti kāmo, pháp nào là sự ham muốn trong cảnh, pháp ấy được gọi là dục (kāma). Dục ở câu này chỉ cho kilesakāma tức kāmataṇhā.

- Kāmīyatīti kāmo (pháp nào là đối tượng ham muốn của kāmataṇhā pháp ấy được gọi là kāma. Ở đây chỉ cho Vatthukāma tức là kāma citta, cetasika và rūpa.

- Kāmassa bhavoti kāmo (cõi nào là môi trường sinh khởi cho kilesakāma và vatthukāma, cõi ấy được gọi là cõi kāma), ở đây chỉ cho 11 cõi dục giới.

- Kāme avacaratīti kāmāvacaraṃ (tâm nào luân chuyển trong cõi dục tâm ấy được gọi là tâm kāmāvacara các câu giải tự về Rūpa:

- Rūpassa bhavoti rūpaṃ (cõi nào làm môi trường cho vatthurūpa và kilesarūpa có mặt thì cõi ấy được gọi là cõi sắc). Vatthurūpa là 15 tâm sắc giới, 35 sở hữu hợp còn kilesarūpa là rūpatanhā: Sự thích thú trong thiền (jhāna), trong thăng trí và trong các cõi sắc.

- Rūpa avacaratīti rūpāvacaraṃ (tâm nào luân chuyển trong cõi sắc, tâm ấy được gọi là tâm sắc giới).

Gọi là cõi vô sắc vì đó là môi trường có mặt của vatthu-arūpa (12 tâm vô sắc, 30 sở hữu hợp) và kilesārūpā (arūpatanhā: sự ái luyến trong thiền vô sắc cõi vô sắc) như 2 câu giải tự sau đây:

- Arūpassa bhavoti arūpaṃ (cõi nào là môi trường có mặt của vatthu ...)

- Arūpe avacaratīti arupāvacaraṃ. (Tâm nào luân du trong cõi vô sắc ...)

Gọi là Mahaggata là dựa vào ý nghĩa của câu giải tự sau đây:

- Mahantam gatoti mahaggato (tâm nào luôn đi vào sự thanh cao và rộng lớn tâm ấy được gọi là tâm đầu đại)

Giải tự tiếng lokiya:

- Loke niyuttāti lokiyā (pháp nào luôn tương hệ tam giới pháp ấy được gọi là pháp hiệp thế).

89 Tâm phân theo (sañjāti) chủng loại có 4 nhóm chủng loại:

- 12 tâm bất thiện (akusalajāti)
- 21 tâm thiện (kusalajāti)
- 36 tâm quả (vipākajāti)
- 20 tâm duy tác (kiriya-jāti).

89 Tâm phân theo địa vực (bhūmi - giới):

- Có 54 tâm thuộc dục vực (kāma-bhava)
- Có 15 tâm thuộc sắc vực (rūpa-bhūmi)
- Có 12 tâm thuộc vô sắc vực (arūpa-bhūmi)

- Có 8 Tâm thuộc Siêu thế vực (lokuttara-bhūmi):

Bhūmi có 2 thứ:

1) ṭhāna-bhūmi: chỉ cho 31 cõi.

2) avatthābhūmi: Giới vực trừu tượng, chỉ chung những gì nằm trong và ngoài 3 ái; nói rõ hơn, avatthābhūmi được dùng để chỉ cho phạm vi hoạt động, địa bàn có mặt hay không có mặt của tham ái.

Nói theo chi pháp thì như sau:

a) Kāma-avatthābhūmi: chỉ cho 54 tâm Dục giới, 52 sở hữu, 28 sắc pháp.

b) Rūpa-avatthābhūmi: chỉ cho 15 tâm sắc giới và 35 sở hữu hợp.

c) Arūpa-avatthābhūmi: chỉ cho 12 tâm vô sắc và 30 sở hữu hợp.

d) Lokuttara-avatthā: chỉ cho pháp nào vượt ngoài phạm vi hoạt động của 3 tham ái, tức là 8 tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp và Níp-bàn.

Như vậy, kāma-bhūmi, rūpa-bhūmi và arūpa-bhūmi vừa kể theo ṭhāna-bhūmi cũng được kể theo avatthābhūmi cũng được. Riêng Lokuttara- bhūmi chỉ kể theo avatthābhūmi mà thôi.

* Trong các tâm Đáo Đại và Siêu thế đều có các sở hữu Tâm, tứ, hỷ, lạc định kết hợp để làm việc chiếu sát cảnh án xứ hay cảnh Níp-bàn. Điều cần nhớ là trong tâm Siêu thế dù cũng có 5 sở hữu đó nhưng chúng không được gọi là chi thiền (jhānanga) vì chúng chẳng có quan hệ (sambandha) gì tới samathārammaṇa (cảnh chỉ), chính do vậy, cá nhân tâm siêu thế không được gọi là tâm thiền (jhānacitta). như dựa theo các câu giải tự sau đây:

- Kasiṇādirammaṇaṃ jhāyati upanijjhāyatīti jhānaṃ (sở hữu nào "thấp sáng" các cảnh đề mục chỉ tịnh thì sở hữu đó được gọi là Thiền).

- Vitakkādijhānangehi sampayuttaṃ cittanti: jhānacittaṃ (tâm thiền là tâm tương ứng với các chi thiền).

121 TÂM PHÂN THEO 9 KHÍA CẠNH (NAYA).

1) Tâm phân theo giống (jhāti hay sañjātibhedanaya)

- akusalajāti có 12 tâm
- kusalajāti có 37 tâm
- vipākajāti có 52 tâm
- kriyājāti có 20 tâm

2) Tâm phân theo giới vực (bhūmibhedanaya)

- kāmaccitta có 54
- rūpacitta có 15
- arūpacitta có 12
- lokuttaracitta có 20

3) 121 tâm phân theo bản chất (sobhaṇabhedanaya)

- asobhaṇaccitta có 30 tâm
- sobhaṇaccitta có 91 tâm

4) 121 tâm phân theo lokabhedanaya:

- lokiyaccitta có 81 tâm
- lokuttaracitta có 40 tâm.

5) Hetubhedanaya:

- ahetukaccitta có 18 tâm
- hetukaccitta có 103 tâm

6) Jhānabhedanaya:

- ajjhānacitta có 54 tâm
- jhānacitta có 67 tâm

7) Vedanābhedanaya:

- Sukhasahagatacitta có 1
- Duk ... có 1
- Somanas ... có 62
- Domanas ... có 2
- Upek ... có 5

8) Sampayogabhedanaya:

- Sampayuttecitta có 87 tâm
- Viprayuttacitta có 34

9) Sankhārabhedanaya:

- asankhārikacitta có 37
- sasankhārikacitta có 84
- 18 tâm vô nhân thuộc vippayutta.
- 67 tâm thiên thuộc sampayutta.
- 2 tâm si (mohamūlacitta) và 18 tâm vô nhân được kể vào asankhārikacitta (vô trợ)
- 67 tâm thiên được kể vào sasankhārikacitta (hữu trợ)

Câu hỏi trong phần Cittaparamattha

- 1) Hãy dịch câu kệ lễ bái của bộ Abhidhammattha Sangaha .
- 2) Ý nghĩa bài kệ?
- 3) Việc lễ bái Tam Bảo và các Đại Sư tiền bối trước khi viết sách có lợi ích gì ?
- 4) Trong câu kệ lễ bái đó có câu lễ bái Tam Bảo như thế nào, câu dẫn nhập soạn phẩm như thế nào?
- 5) Có mấy loại saddhamma? Kể ra?
- 6) Paramattha là gì và có mấy loại paramattha?
- 7) Hãy giải tính nghĩa về bản chất (dhammajāti) của 4 pháp paramattha (theo các câu giải tự).
- 8) Tâm có mấy? Hãy kể bằng Pāli.
- 9) Bất thiện tâm là thế nào và có bao nhiêu?
- 10) Hãy giải nghĩa các tâm sau đây:
 - Mohamūlacitta, akusalavipāka, ahetukacitta, mahākusalacitta, mahāvīpākacitta, mahākiriya-citta, kāmavacaracitta.
- 11) Hãy phân loại 12 tâm bất thiện theo các khía cạnh vedanābhedanaya, sampayogabhedanaya và sankhārabhedanaya.
- 12) Hãy dịch câu kệ này: aṭṭhadhālobhamūlāni ... siyumu.
- 13) Hãy phân loại tâm asobhanacitta theo jātibhedanaya, vedanābhedanaya, sampayogabhedanaya.
- 14) Hãy phân tách sự khác biệt giữa sukhasahagatacitta với somanassasahagata, giữa dukkhasahagata với domanassasahagatacitta.
- 15) Có bao nhiêu tâm tịnh hảo thọ xả bất tương ưng vô trợ? kể ra?
- 16) Ông A là một người tin lý nghiệp báo lần nọ vì chiều vợ, ông phải đi trộm gà về làm thịt cho vợ ăn, ông làm những việc đó bằng một tâm trạng miễn cưỡng, hãy cho biết ông A đã xài tâm nào để làm những chuyện sai trái ấy.

17) Trong các tâm Dục giới có bao nhiêu tâm thọ hỷ bất tương ưng và hữu trợ? Kể ra?

18) Hãy dịch sang quốc ngữ các từ Pāli chuyên môn sau đây:

- Somanassasahagatam ...

19) Tại sao 7 tâm quả bất thiện không được gọi là 7 tâm quả bất thiện vô nhân trong khi 8 tâm quả thiện (trong số 18 tâm vô nhân đó) lại được gọi là ahetuka-kusalavipākacitta?

20) Hãy phân tách sự khác biệt giữa nhãn thức quả bất thiện với nhãn thức quả thiện, giữa khai ngũ môn và khai ý môn

21) Có một người ngoại đạo nọ nhân dịp viếng chùa đã vì phép lịch sự mà lễ Phật một cách hờ ơ miễn cưỡng, hãy cho biết ông ta đã dùng tâm nào để làm việc ấy?

22) Một cậu bé vì nghe lời mẹ nên đem cơm đặt bát Chư Tăng, trong lúc đặt bát, nó cũng cảm thấy vui thích. Hãy cho biết lúc đó nó xài tâm gì ?

23) Hãy phân tích sự khác biệt giữa các tâm vô trợ và hữu trợ, tương ưng và bất tương ưng, tâm quả thiện vô nhân và tâm đại quả, duy tác vô nhân và đại duy tác.

24) Hãy phân loại 87 tâm hiệp thể theo jātibhedavaya, bhūmibhedanaya, sabhaṇabhedanaya, hetubhedanaya và jhānabhedanaya.

25) Trong 67 tâm thiền, có bao nhiêu tâm thuộc giống thiện (kusalajāti), có mấy tâm thuộc giống quả, có mấy tâm thuộc giống vô ký.

26) Hãy giải nghĩa tên gọi của các tâm sau đây: tâm vô Tịnh Hảo, tâm Sắc Giới, tâm Đáo Đại, Tâm Hiệp Thể, Tâm Siêu Thể và tâm Thiền.

27) Trong kāmaccitta (Tâm Dục giới), tâm Sắc Giới và vô sắc giới đều có thiện, quả và duy tác, tại sao trong tâm Siêu Thể chỉ có thiện và quả mà không có duy tác.

28) Tại sao có lúc kể 89 tâm có lúc lại kể 121 tâm: Tâm thiền có 2 chi thiền được bao nhiêu cái? Kể ra?

29) Hãy phân loại 121 tâm theo các khía cạnh giống, Thọ và (sobhaṇa) bản chất.

30) Hãy điền vào chỗ trống:

Vitakkavicārapīṭisukha-ekaggatāsahitaṃ kusalacittaṃ.

31) Điều gì chứng minh được rằng từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền là tâm câu hành hỷ?

32) Hãy dịch câu kệ sau đây:

Ekādasantaṃ tasma
Pathamādikamītiṃ
Jhānamekekamantetu
Tevīatividhaṃ bhava

33) Hãy phân loại các tâm thiền có chi thiền qua các khía cạnh giống, Thọ và Lokabhedanaya.

34) Hãy đọc lại bài kệ phân loại 89 tâm theo jātibhedanaya.

35) Có mấy cách tương ứng (sampayutta) và có bao nhiêu tâm tuy không có từ "tương ứng trí" đi kèm theo tên nhưng vẫn được xếp vào loại tương ứng trí? Có mấy tâm tuy trong khi nêu tên không có kèm theo tiếng ngũ thiền nhưng vẫn được kể vào loại tâm ngũ thiền và tại sao chúng được kể vào đó?

36) Hãy vẽ bản đồ 121 tâm theo thứ tự.

-ooOoo-

CETASIKA-SANGAHA

Các chúng sanh cho dù có sắc đẹp toàn diện đến mức nào đi nữa nếu không có tâm pháp thì cũng chẳng khác gì pho tượng. Mà tâm pháp là phải gồm 2 thành phần tâm và sở hữu tâm 2 thành phần này tương quan mật thiết với nhau, là yếu tố bất khả ly của nhau (cho nhau), chúng cùng sanh với nhau, cùng diệt với nhau, cùng biết cảnh chung nhau và cùng nương một vật như nhau. Tâm và sở hữu tâm đối với nhau giống như máy móc cơ khí và điện vậy, nếu có điện thì máy móc không hoạt động được, cho nên Ngài Anuruddha mới viết rằng:

Ekuppādanirodhā ca
Ekālabanavattukā
Cetoyuttā dvipaññāsa
Dhammā cetasikā matā.

LƯỢC GIẢI:

52 sở hữu tâm luôn tương quan với tâm (cetayutta) trên 4 khía cạnh Ekuppāda (đồng sanh), nghĩa là cả hai không cái nào sanh trước hay sau nhau được; Ekanirodha (đồng diệt) Ekālabana (cùng biết đồng tri 1 cảnh với nhau), tâm biết cảnh nào thì sở hữu hợp cũng biết cảnh ấy; Ekavattuka (đồng nương một vật), như tâm đang nương nhãn vật được gọi là sở hữu tâm vì hội đủ 4 khía cạnh này.

Điều cần nhớ là 3 chi cetayutta đầu tiên thì là cố định còn chi sau cùng thì bất định bởi vì ở cõi ngũ uẩn (pañcavokāra) thì tâm pháp còn nương vật nhưng ở cõi tứ uẩn thì không có vật để nương nên tại đó tâm và sở hữu chỉ tương đồng nhau trên 3 khía cạnh đầu thôi.

52 sở hữu tâm được chia ra thành 3 cụm (Rāsi: đống):

- Aññāsamānarāsīcetasika (cụm tợ tha gồm có 13)
- Akusalarāsīcetasika (cụm bất thiện có 14)
- Sobhaṇarāsīcetasika (cụm tịnh hảo có 25) hay gọi gọn thì bỏ tiếng Rāsi cũng được như aññāsamānacetasika...

Theo ý kiến thống nhất của các vị A Xà Lê Chú Giải Sư như Ngài Anuruddha chẳng hạn thì 2 sở hữu vô lượng phần hợp được 28 tâm: 8 đại thiện, 8 đại tố, 12 tâm sắc giới (trừ 3 tâm ngũ thiền). Còn theo một số ý kiến riêng lẻ (kecivāda) khác thì 2 sở hữu này chỉ hợp được 20 tâm thôi, đó là 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 đại duy tác hỷ thọ, 12 tâm sắc giới (trừ ngũ

thiền, bởi lẽ vihiṃsā (nỗ hại: chỉ cho tâm sân) và arati (bất mãn: chỉ cho tật đố) đều là pháp đối nghịch của 2 sở hữu Vô lượng phần. Bi thì đối lập với vihiṃsā, Hỷ thì đối lập với arati, cho nên chúng phải là thọ hỷ chứ không thể thọ xả.

Theo các Ngài Chú Giải Sư thì quan điểm trên có phần đúng mà cũng có phần sai. Đúng là vì đối với người Hành Giả trong buổi đầu mới tu tập đề mục Bi, Tùy hỷ, chỉ mới ở giai đoạn parikamma-bhāvanā, parikamma-nimitta, chưa đạt tới uggaha-nimitta thì Bi và Tùy Hỷ phải tương ứng với Hỷ Thọ nếu không như vậy thì chúng sẽ không thể sinh khởi ý kiến trên (kecivāda) đúng là đúng ở khía cạnh đó nhưng kể từ lúc hành giả đã tu tập 2 phạm trú này một cách thuần thực như đã đạt tới uggaha nimitta chẳng hạn thì Bi và Tùy Hỷ của vị ấy có thể là câu hành xả. Đó là cái sai lầm của ý kiến trên, khi nó chủ trương rằng Bi và Tùy Hỷ chỉ có thể câu hành Hỷ thọ.

8 sở hữu sau đây: Tật đố, Bỏn xén, Trạo hối, 3 Giới phần, Bi và Tùy hỷ được gọi chung là nānākadācīcetasika vì chúng không bao giờ đi chung nhau (nānā) và chúng là những sở hữu bất định, chỉ thỉnh thoảng xuất hiện, 2 sở hữu hôn thụ chỉ thỉnh thoảng xuất hiện nhưng bao giờ cũng đi chung nhau nên được gọi là saha-kadācīcetasika.

11 sở hữu trên đây được gọi là chung lại là aniyatayogīcetasika (những sở hữu phối hợp tâm 1 cách bất định). 41 sở hữu còn lại được gọi là niyatayogīcetasika.

Sở dĩ phân loại như thế vì có những sở hữu dù tâm bất cảnh nào chúng cũng hợp được nhưng cũng có những sở hữu phải có cảnh riêng mới xuất hiện, chúng không tạp tri, chỉ thỉnh thoảng có mặt thôi. Đó chính là 11 sở hữu nữa kể trên. Mạn (māna) được xếp vào bất định vì khi nào tâm bất tương ứng kiến khởi lên có kèm theo sự chấp ngã (Ahaṅgāha) thì khi đó Mạn mới có mặt. Khi nào tâm bất tương ứng kiến khởi lên mà không có ahaṅgāha (ngã chấp) đi kèm thì Mạn không có mặt vậy Mạn được gọi là kadācīcetasika (sở hữu khởi đột xuất):

Tật đố, bỏn xén và trạo hối (kukkucca) cũng là những sở hữu bất định đã vậy những khi có mặt trong tâm chúng không bao giờ đi chung với nhau. Về vấn đề này ta cần hiểu rộng như sau: Khi nào tâm sân khởi lên mà trong đó không có cảnh gì để có sự ghen ty, bón rít, cắn rứt thì 1 trong 3 sở hữu này không khởi lên, tâm sân trong lúc đó chỉ có 1 sở hữu sân mà thôi (thay vì trong sở hữu sân phần có tới 4). Khi nào trong tâm sân có pha chút ghen tức cái gì đó của tha nhân thì sở hữu Tật đố mới khởi lên còn 2 sở hữu bỏn xén với trạo hối thì vắng mặt bởi chức năng của chúng không phải nằm trong trường hợp đó. Nói tóm lại 1 trong 3 sở hữu này cứ nhắm vào những cơ hội thích hợp thì xuất hiện trong tâm sân ngay, mà bao giờ cũng đi riêng nhau cái này có mặt thì 2 cái kia vắng mặt.

Hai sở hữu Hôn thụ cũng là những sở hữu đột xuất, chỉ hiện khởi trong 5 tâm hữu trợ (sasankhārika) thôi. Vào những khi tâm hữu trợ khởi lên và có điều kiện thích hợp thì 2 sở hữu Hôn thụ mới có mặt và luôn đi chung với nhau, mà như đã nói 2 sở hữu này là bất định, là những sở hữu đột xuất, không phải lúc nào cũng có mặt trong tâm. Bởi vì khi có tâm hữu trợ mà không có sự thụ động, thối thất thì 2 sở hữu Hôn thụ không thể có mặt, chỉ khi nào trong các tâm hữu trợ có dấu hiệu của sự thụ động, đã dưng, bệnh hoạn thì chúng mới hiện khởi.

Bây giờ nói về 3 sở hữu Giới Phần chúng được gọi là nānākadācīceta-sika, nhưng đó là nói lúc chúng hợp trong tâm hiệp thế, còn đối với các tâm siêu thế thì chúng đóng vai trò thường trực cố định và còn đi chung với nhau nữa, như Ngài Anuruddha đã nói như sau:

"Viratiyo pana tissopi lokuttara cittesu sabbathāpi niyatā ekatova labhanti lokiyesu pana kāmāvacarakusalasveva kadāci sandissanti visuṃ visuṃ"

Sở dĩ các đại thiện 3 sở hữu Giới Phần là những sở hữu đột xuất và không đi chung nhau vì khi nào tâm đại thiện khởi lên có kèm theo Tín, Niệm, trí, Từ, Bi, Hỷ mà không có liên quan gì tới sự ngăn trừ ác hạnh và tà mạng thì trong những lúc đó các sở hữu Giới Phần không có mặt. Khi nào các đại thiện khởi lên có kèm theo sự ngăn trừ khẩu ác hạnh (catuvacīduccarika) mà không có liên hệ gì tới vấn đề sinh kế (ājīva) thì lúc đó trong tâm đại thiện chỉ có sở hữu Chánh Ngữ thôi chứ không có 2 sở hữu kia. Khi nào tâm đại thiện khởi lên có kèm theo sự ngăn trừ 3 thân ác hạnh mà không có liên quan gì tới vấn đề sinh kế thì lúc đó chỉ có sở hữu Chánh Nghiệp thôi, chứ không có 2 sở hữu kia. Còn khi nào tâm đại thiện khởi lên có kèm theo sự ngăn trừ 3 thân ác hạnh, 4 khẩu ác hạnh mà có liên hệ về vấn đề sinh kế một cách mật thiết thì lúc đó trong tâm đại thiện chỉ có 1 sở hữu Giới Phần Chánh Mạng thôi.

Sở dĩ nói 2 sở hữu vô lượng phần là những sở hữu đột xuất của 28 tâm vì khi nào tâm Đại Thiện, Đại Tố khởi lên có kèm theo Tín, Niệm, Trí... mà không có kèm Bi, Tùy Hỷ thì trong lúc đó 2 Vô Lượng Phần không có mặt. Khi nào các tâm thiền Sắc Giới khởi lên qua các đề mục ngoài đề mục phạm trú thì 2 Vô Lượng Phần cũng phải vắng mặt và khi có cơ hội hợp trong 28 tâm ấy, 2 sở hữu Vô Lượng Phần cũng không bao giờ đi chung với nhau bởi vì khi 28 tâm này lấy chúng sanh đang bị khổ (dukkhitasatta) để làm cảnh thì lúc đó chỉ có Bi mà không có Hỷ khi nào 28 tâm lấy chúng sanh đang hạnh phúc (sukhitasatta) làm cảnh thì lúc đó chỉ có Tùy Hỷ mà không có Bi.

-ooOoo-

KẾ RỘNG 52 SỞ HỮU TÂM

- Kế hẹp thì sở hữu biến hành chỉ có 7 nhưng kế rộng thì có tới 847 vì mỗi sở hữu hợp được 121 tâm, nhân lại thành ra có tới 847 sở hữu biến hành.

- Sở hữu biệt cảnh nếu tính hẹp thì chỉ có 6 nhưng nếu tính rộng thì có đến 488 tức là có đến 55 sở hữu tâm, 66 sở hữu tứ, 110 sở hữu thắng giải, 105 sở hữu cần, 51 sở hữu hỷ, 101 sở hữu dục; vậy tổng cộng lại, nếu tính rộng thì sở hữu tợ tha lên tới 1335 sở hữu:

- Nếu tính hẹp thì sở hữu bất thiện chỉ có 14 nhưng nếu tính rộng thì có tới 83 tức là nhóm Si Phần (mocatuka) gồm 48 sở hữu, nhóm Tham Phần (lotika) gồm 16 sở hữu, nhóm Sân Phần (docatuka) gồm nhóm 8 sở hữu nhóm Hôn Phần (thiduka) gồm 10 sở hữu, si Hoài Nghi vẫn một.

- Các sở hữu Tịnh Hảo nếu tính rộng thì có tới 2008 tức là vì 19 sở hữu biến hành hợp được 91 tâm tịnh hảo nên nếu đem nhân với nhau thì thành ra 1729 sở hữu Tịnh Hảo Biến Hành. 3 giới phần vì hợp được với 48 tâm nên thành ra có tới 144 sở hữu Vô Lượng Phần. 2 Vô Lượng Phần vì mỗi cái hợp được 28 sở hữu nên thành ra có tới 56 sở hữu Vô Lượng Phần. Sở hữu Trí Tuệ vì hợp được với 79 tâm nên thành ra có đến 79 cái. Tất cả sở hữu Tịnh Hảo nếu tính rộng có tới 2008 cái, vậy tổng cộng lại, tất cả sở hữu nếu tính rộng thì có đến 3426 cái.

CÁC CÂU HỎI VỀ SỞ HỮU

1) Hãy kể 4 điểm tương đồng giữa tâm và sở hữu tâm và nêu câu pāli chứng minh (không cần định nghĩa).

2) Tại sao tâm và sở hữu tâm lại phải hỗ trợ nhau? Hãy cho ví dụ về mối tương quan tương hệ giữa tâm và sở hữu để làm nổi bật tầm quan trọng của mối tương quan đó.

3) 52 sở hữu nếu kể theo từng Rāsi thì có mấy? kể ra, và mỗi rāsi thì có bao nhiêu sở hữu tâm? Kể ra?

4) Hãy giải nghĩa các sở hữu tâm sau đây: biến hành biệt cảnh, bất thiện biến hành (sabbākusalayogīcetasika), sở hữu sân phần, tịnh hảo biến hành, vô lượng phần.

5) Hãy nói rõ bản thể (sabhāva) của các sở hữu: Xúc, Thọ, Tưởng, Tác ý, Tâm, Thắng giải, Hỷ, Dục, Si, Tham, Sân, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Bi, Tùy Hỷ.

6) Hãy phân tách sự khác biệt giữa sở hữu tư và tác ý, tâm và tứ, dục (chanda) và tham (lobha), hôn trầm và thụy miên.

7) Hãy gọi bằng từ chuyên môn các pháp tánh sau đây:

- Là cái nhớ cảnh.
- Là pháp tánh vắng lặng và an lập các pháp đồng sanh vào 1 cảnh.
- Là cái bảo vệ pháp đồng sanh
- Cái tính cách chăm chú cảnh.
- Là cái mang tính hiểu sai trong cảnh.
- Là cái mang tính thủ chấp bản thân.
- Là cái cắn rứt trong những ác nghiệp đã làm và thiện nghiệp chưa làm.

8) Nghi ngờ như thế nào mới là si hoài nghi? Sự thắc mắc trong bài vở hay thắc mắc về tên người tên vật mà mình chưa biết có phải là si hoài nghi không? Hãy giải thích rõ.

9) Tại sao cũng là sở hữu tịnh hảo biến hành mà từ tín cho đến hành xả chỉ được kể lẻ, từ tịnh thân đi thì lại kể cặp và ý nghĩa khác nhau của sở hữu trong mỗi cặp ấy như thế nào?

10) Hãy dịch bài kệ Terasaññasamānā ca. pe. dvipaññāsa paniccāre.

11) Hãy dịch và giải câu kệ Satta sabbattha yujjanti. Pe. sabhaṇesvesa sobhaṇā.

12) Có bao nhiêu sở hữu hợp được trong các tâm hiệp thế? Kể ra?

13) Hãy cho biết có mấy tâm hợp được và không hợp được với các sở hữu tầm, thắng giải, cần, hỷ, dục.

14) Có mấy tâm tuy là thọ hỷ nhưng không hợp với sở hữu hỷ được? đồng thời hãy cho biết lý do.

15) Hãy nêu ra các tâm quả mà có thể hợp được với các sở hữu xúc, thọ, tứ, cần, hỷ.

16) Trong 89 tâm (nói hẹp), sở hữu tầm hợp được mấy? Kể ra? Và hãy dịch bài kệ Sabbāpuññesu...

17) Trong 89 tâm, sở hữu hỷ hợp được 27 hoặc 35 tâm ấy một cách bất định hãy cho biết lý do và kể rõ 27, 35 tâm ấy.

18) Hãy cho biết:

- Tâm nào hợp với tầm được nhưng không hợp với cần được.
- Tâm nào hợp với cần được mà không hợp với tầm được.
- Tâm nào hợp cả tầm lẫn cần.
- Tâm nào không thể hợp cả 2 sở hữu ấy.
- Tâm nào hợp với giới phần được mà không hợp với vô lượng phần được.
- Tâm nào chỉ với vô lượng phần mà không hợp với hôn phần được?
- Tâm nào có thể hợp với cả 2.
- Tâm nào không thể hợp với cả 2.

19) Hãy nêu bài kệ nói về những tâm không hợp được với 6 sở hữu biệt cảnh.

20) Có mấy sở hữu hợp được trong 12 tâm bất thiện? Kể ra?

21) Có bao nhiêu sở hữu bất thiện hợp được trong tâm tham? Kể ra?

22) Hãy giải thích: tại sao sở hữu Tà Kiến và Mạn lại không thể gặp nhau trong một tâm?

23) Có bao nhiêu sở hữu chỉ hợp trong tâm tương ứng, không hợp trong tâm bất tương ứng? Kể ra?

24) Hãy kể rõ những sở hữu bất thiện nào mà (chỉ) hợp được trong 1 tâm, 2 tâm, 3 tâm, 4 tâm, 5 tâm, 6 tâm, 7 tâm, 8 tâm.

25) Hãy phân ra những sở hữu tịnh hảo nào hợp được tất cả tâm tịnh hảo và hợp được trong từng tâm tịnh hảo.

26) Hãy nói rõ những khác biệt 3 giới phần khi hợp trong tâm hiệp thế và siêu thế, ở mỗi trường hợp có khác biệt nhau thế nào?

27) Hãy kể những tâm có thể hợp với 2 vô lượng phần theo cả samānavāda và kecivāda và cho biết những (cái) sai đúng trong 2 ý kiến đó. 28) Có mấy tâm hiệp thế hỷ thọ hợp được với sở hữu trí tuệ và hãy kể rõ 16 cách sampayoga (tương ứng).

29) Hãy dịch 2 bài kệ Ekūnavīsati dhammā... và Pannā pakāsītā...

30) Hãy giải thích ý nghĩa của bài kệ Issāmaccherakukkucca...

31) Hãy giải thích thế nào là sở hữu đột xuất (aniyatayogīcetasika), có bao nhiêu sở hữu đột xuất, kể ra, và hãy cho biết có bao nhiêu sở hữu đột xuất thuộc giống bất thiện, thuộc giống thiện, thuộc giống quả, và thuộc giống tố.

32) Hãy phân ra các sở hữu đột xuất theo cách kadāci, sahadāci và nānākadāci và dẫn những bài kệ nào có nhắc tới vấn đề này (khỏi dịch).

33) hãy kể ra những sở hữu đột xuất cố định, đột xuất bất định, những sở hữu thường trực mà (niyata) bất định thường trực mà cố định.

34) hãy cho biết có bao nhiêu tâm hợp được với tâm tham I, tâm tham IV, tâm tham V, tâm tham VII, tâm si I.

35) Hãy dịch bài kệ Chattimsānuttare ...

36) Hãy kể ra những tâm bất thiện mà được 15 sở hữu hợp, 18 sở hữu hợp, 19 sở hữu hợp, 20 sở hữu hợp, 21, 22, sở hữu hợp.

37) Hãy kể rõ những sở hữu bất định và cố định của 2 tâm sân.

38) Có mấy sở hữu bất thiện biến hành? Kể ra và dẫn chứng kệ ngôn (miễn dịch).

39) trong 18 tâm vô nhân tâm nào có nhiều sở hữu hợp nhất, ít sở hữu hợp nhất?

40) Hãy kể những tâm vô nhân nào mà không hợp được với các sở hữu xúc, tâm, cần, dục.

41) Có mấy sở hữu hợp được với 8 đại thiện, 8 đại quả, 8 đại tố, 3 nhị thiên sắc giới, 3 tứ thiên sắc giới.

42) Hãy kể ra những sở hữu hợp cố định và bất định của:

- Tâm tham thứ 3.
- Tâm tham thứ 8.
- Đại thiện thứ nhất.
- Đại tố thứ 8.
- 3 sơ thiên hiệp thế.
- 8 ngũ thiên siêu thế.

43) Hãy kể những tâm tịnh hảo có sở hữu hợp bằng nhau trên các con số: 36, 35, 34, 33, 32, 31, 30.

44) Hãy nói mấy cách nhiếp (sangaha) của các tâm sau đây (vấn tắt thôi):

- 12 bất thiện, 18 vô nhân.
- 8 đại thiện.
- 12 tâm vô sắc.
- 40 tâm siêu thế.

45) Hãy giải thích ý nghĩa tiếng nhiếp "sangaha" và tiếng tương ưng "sampayoga".

46) Hãy cho biết có mấy sở hữu đồng sanh với thọ, tâm, hằng giải, hỷ, dục, si, kiến, tật đố, hôn trầm, hoài nghi, tón, bi.

47) Một vị Thánh Tu-đà-huờn nọ khi nhìn thấy bức ảnh đẹp chợt khởi ý ưa thích, hãy phân tách tâm trạng ấy theo chi pháp.

48) Cha mẹ vốn thương con nhưng vì con cái quá ngỗ nghịch nên cha mẹ có đôi lần phải tức giận. Hãy phân tích tâm trạng đó theo Vi diệu pháp.

49) Bằng sở hữu nào, bạn có thể giải đáp mau chóng các câu hỏi về abhidhamma và có bao nhiêu sở hữu đồng thanh nữa?

50) Hãy kể ra các sở hữu tiếp theo các sở hữu sau đây: xúc, tứ, hỷ...

51) Hãy vẽ bản đồ 52 sở hữu.

-ooOoo-

* 52 Sở hữu có 16 cách tương ứng (sampayoga):

- 13 Tợ tha có 7 cách tương ứng:

- a) 7 biến hành được kể là 1 cách
- b) 6 biệt cảnh được kể là 6 cách

- 14 Bất thiện biến hành có 5 cách tương ứng:

- a) sở hữu si phần hợp trong 12 bất thiện tâm, đó là 1 cách.
- b) nhóm tham phần hợp trong 8 tâm tham là 1 cách.
- c) nhóm sân phần hợp trong 2 tâm sân là 1 cách.
- d) nhóm hôn thụy hợp trong 5 tâm bất thiện hữu trợ là 1 cách.
- e) hoại nghi trong si hoại nghi là 1 cách.

- 25 Tịnh hảo có 4 cách tương ứng:

- a) 19 tịnh hảo biến hành hợp trong 59 hoặc 91 tâm tịnh hảo, đó là 1 cách.
- b) 3 giới phần hợp trong 16 hoặc 48 tâm cũng là cách.
- c) 2 vô lượng phần hợp trong 26 tâm cũng là 1 cách.
- d) sở hữu trí tuệ hợp trong 47 hoặc 79 tâm đó cũng là 1 cách.

-ooOoo-

Đầu trang | 01 | 02.a | 02.b | 03 | 04.a | 04.b | 04.c | Mục lục

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Giác Đăng, Chùa Pháp Luân, Texas, đã gửi tặng phiên bản vi tính.

(Bình Anson, tháng 8-2001)